

Bản án số: 146/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐXX-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Lê Thanh H, sinh năm 1993

2. Anh Lê Quang Đăng K, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số 113/1, đường P, khóm 6, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 24, đường 3/2, khóm 10, phường 3, thành phố C, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2022).

- Bị đơn: Anh Lê Bá H1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường số 04, khu L, khóm 9, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Du Thị B, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 79, Đ, khóm 4, phường 9, thành phố C (văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022).

- *Người kháng cáo:* Lê Bá H1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/02/2020 Lê Quang Đăng K cho Lê Bá H1 mượn số tiền 150.000.000đ, có làm biên nhận. Đến ngày 21/02/2020, H1 tiếp tục hỏi mượn Lê Thanh H vợ K số tiền 15.000.000đ và có làm biên nhận. H1 hứa đến tháng 12/2020 thì sẽ hoàn trả lại cho vợ chồng K, H tiền 165.000.000đ, nhưng đến nay vẫn không trả. Anh K, chị H khởi kiện yêu cầu H1 hoàn trả số tiền 165.000.000đ và tính lãi theo lãi suất quá hạn của ngân hàng nhà nước quy định từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2021, với số tiền lãi là 8.250.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày:

Lê Bá H1 và Lê Quang Đăng K, Lê Thanh H có mối quan hệ bạn bè với nhau nhiều năm nên đầu năm 2020 H có rủ H1 hùn vốn lấy mỹ phẩm Linh Hương về bán kiếm lời, vì H đang làm spa, thì H1 đồng ý. Nhưng do lúc dịch bệnh không làm ăn được nên K, H nói cho mượn tiền để đầu tư và H1 sẽ trả lại hàng tháng cho H, K cho đến khi dứt nợ.

Đến ngày 05/02/2020 K đưa cho H1 ký biên nhận số tiền 150.000.000đ, nhưng H1 không có nhận tiền mà chỉ ký biên nhận nợ.

Đến ngày 21/02/2020 H đưa H1 ký biên nhận số tiền 15.000.000đ, H1 cũng không có nhận tiền mà chỉ ký biên nhận nợ.

Sau đó H kêu anh H1 mượn tiền của ông Lê Thanh N là cha ruột H để lấy mỹ phẩm thêm. Đến ngày 14/4/2020 H1 có xuống Thới Bình gặp ông N lấy số tiền 50.000.000đ và có viết biên nhận cho ông N. Ngay sau khi nhận tiền của ông N thì H1 đưa cho H 50.000.000đ để bà H mua mỹ phẩm bán, lời chia nhau xài, việc đưa tiền không biên nhận. Ngoài các khoản tiền trên H1 còn đưa cho H tiền mặt khoảng 20.000.000đ để hùn mua mỹ phẩm.

Từ khi viết biên nhận tiền của H, K, ông N thì hàng tháng H1 có chuyển khoản trả cho K, ông N và Lê Diễm Tr (em ruột bà H) nhiều lần, cụ thể :

- Chuyển cho anh K từ ngày 07/4/2020 đến ngày 10/5/2021 với tổng số tiền 126.550.000 đồng.

- Chuyển cho ông N từ ngày 15/5/2020 đến ngày 19/5/2021 với tổng số tiền 147.100.000 đồng.

- Chuyển cho Lê Diễm Tr (em ruột của H) 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, H1 còn đưa tiền mặt cho H nhiều lần khoảng 50.000.000đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu H1 trả số tiền vốn 165.000.000đ và lãi 8.250.000đ anh không đồng ý, vì đã trả cho K, H số tiền nhiều hơn số tiền mượn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Lê Bá H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Lê Quang Đăng K và Lê Thanh H tổng số tiền 165.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/3/2022 bị đơn Lê Bá H1 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm; anh H1 có chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền 126.550.000 đồng để trả khoản tiền mà H1 làm đẹp, mua mỹ phẩm của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; sau khi bị đơn nộp bản sao kê từ Ngân hàng, thì nguyên đơn căn cứ vào đó để tự viết hóa đơn bán lẻ cho rằng H1 làm đẹp, những hóa đơn không hợp lý bởi vì không thể sử dụng dịch vụ làm đẹp trong thời gian ngắn với khoản tiền trên 100 triệu đồng trong khi dịch Covid. Đối với số tiền bị đơn chuyển vào tài khoản ông N và chị Tr, bị đơn khởi kiện sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận tiền bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn 126.550.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 165.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh H1 nộp trong hạn luật định, được chấp nhận. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc Lê Bá H1 thanh toán cho anh K, chị H số tiền 165.000.000 đồng. Anh H1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo, bị đơn Lê Bá H1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy: Anh H1 có viết biên nhận hai lần vào tháng 02/2020 để nhận số tiền 165.000.000 đồng từ anh K, chị H. Biên

nhận thể hiện tiền vay, nhưng đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định tiền cho mượn. Sự việc H1 có thiếu nợ nguyên đơn 165.000.000 đồng là thực tế.

Phía anh H1 trình bày hai bên hùn vốn mua bán mỹ phẩm và anh H1 trả dần vốn cho nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn H1 được chứng minh thông qua các chứng từ chuyển tiền cho phía nguyên đơn mà bị đơn đã sao kê từ Ngân hàng. Anh H1 bắt đầu chuyển tiền vào tài khoản của vợ chồng K, H từ ngày 07/4/2020 đến ngày 10/5/2021 với tổng số tiền 126.550.000 đồng được nguyên đơn thừa nhận, nhưng nguyên đơn cho rằng H1 trả khoản nợ làm đẹp, anh H1 không chấp nhận vì thời gian dịch Covid bị đơn không có làm đẹp như nguyên đơn trình bày, nguyên đơn tự viết hóa đơn bán lẻ cho rằng bị đơn thiếu tiền làm đẹp tại Spa của nguyên đơn là thiếu căn cứ. Qua lời trình bày của các bên đương sự và những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ thì không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận những hóa đơn bán lẻ do chính nguyên đơn ghi để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ đối trừ đối với số tiền mà bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn.

Nhận thấy, phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ hợp pháp nào thể hiện anh H1 thiếu nợ nguyên đơn ngoài khoản tiền 165.000.000 đồng; do đó, việc anh H1 chuyển vào tài khoản nguyên đơn 126.550.000 đồng được chấp nhận đối trừ cho khoản nợ 165.000.000 đồng, bị đơn thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền 38.450.000 đồng.

Ngoài ra, anh H1 trình bày trả tiền cho nguyên đơn thông qua tài khoản của ông Lê Thanh N (cha H) tổng 147.100.000 đồng và chuyển cho Lê Diễm Tr (em ruột H) 6.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Ông N, chị Tr xác định số tiền này không liên quan đến giao dịch giữa anh K chị H với anh H1. Anh H1 không chứng minh được tiền chuyển khoản cho ông N, chị Tr để trả cho nguyên đơn nên không được chấp nhận để khấu trừ vào khoản nợ mà bị đơn thiếu nợ nguyên đơn là phù hợp với lời trình bày của đại diện bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là bị đơn sẽ khởi kiện đối với ông N ở vụ kiện khác.

[3] Từ phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa một phần án sơ thẩm nên sửa về án phí có giá ngạch. Anh H1 phải chịu 1.922.500 đồng; chị H anh K phải chịu 6.327.500 đồng, đã dự nộp 4.331.000 đồng được đối trừ, phải nộp tiếp 1.996.500 đồng.

[5.2] Án phí phúc thẩm anh H1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Lê Bá H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Lê Quang Đăng K và Lê Thanh H số tiền 38.450.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Lê Bá H1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Lê Bá H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Lê Quang Đăng K và Lê Thanh H số tiền 126.550.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lê Bá H1 phải chịu 1.922.500 đồng;

Anh Lê Quang Đăng K, chị Lê Thanh H phải chịu 6.327.500 đồng. Anh K, chị H đã nộp tạm ứng án phí 4.331.000 đồng tại biên lai số 0001285 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ; anh K, chị H phải nộp tiếp 1.996.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm anh Lê Bá H1 không phải chịu, anh H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0000968 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền